

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33A/2021/DS-ST

Ngày: 06-8-2021

Về việc: “Yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng vô hiệu

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thúc Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

2. Bà Trần Bích Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Huyền Trang- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phương Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H (địa chỉ: 60 đường Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2020/TLST-DS ngày 05/6/2020 về việc “Yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Viết T, sinh năm 1979; địa chỉ: 40 kiệt 56 đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Hoàng Ngọc T- Công ty Luật Hoàng Ngọc T và Cộng sự; địa chỉ: 131/2 đường B, thành phố H. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị Thanh L, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: 40 kiệt 56 đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; hiện cư trú tại: 254/1 đường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng Công chứng A tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: 44 đường L, phường X, thành phố H;

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thanh H, chức danh: Trưởng Văn Phòng. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn-anh Nguyễn Viết T trình bày:*

Anh Nguyễn Viết T và chị Trương Thị Thanh L ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 153/2016/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H. Tại quyết định, về nợ chung và tài sản chung: Anh T, chị L cùng công nhận không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đến đầu năm 2019, chị Trương Thị Thanh L thông báo với anh T là có dự định đi nước ngoài nhưng lại không đủ điều kiện về chứng minh tài sản. Vì vậy, chị L đã trực tiếp đặt vấn đề về thỏa thuận mong muốn đứng tên vào tài sản riêng của anh T tại địa chỉ: 25/1 đường H (nay là 40/56 đường T, phường P thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 170911 đứng tên một mình anh T, chỉ với mục đích là để chứng minh tài sản để chị L đủ điều kiện đi nước ngoài.

Vì nghĩ đơn giản nên anh T đã đồng ý cho chị L đứng tên. Tuy nhiên, để đề phòng tranh chấp có thể xảy ra nên anh T yêu cầu chị L cùng nhau lập Giấy thỏa thuận ngày 17/02/2019 trước khi ký kết văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng tại Văn phòng Công chứng với nội dung: *“Nay do nhu cầu cần chứng minh có tài sản nên tôi có thỏa thuận với anh T là cho tôi đứng tên vào tài sản riêng của anh T (là thế hồng ở địa chỉ 25/1 Nguyễn Thái Học nay là 40/56 Nguyễn Công T) thành tài sản chung để tiện cho tôi đi nước ngoài. Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng và sẽ trả lại cho anh T khi anh có yêu cầu và không có tranh chấp gì”*. Đến ngày 21/02/2019, anh T và chị L tiến hành ký kết Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng tại Văn phòng Công chứng An Phú Gia tỉnh Thừa Thiên Huế, số công chứng: 000624, quyển số: 01TP/CC-SCC/HĐGD với nội dung nhập tài sản riêng của anh T là nhà và đất tại địa chỉ trên vào tài sản chung của anh T và chị L.

Hiện nay, đã qua thời gian quá lâu kể từ ngày cho chị L đứng tên chung và cá nhân anh T có nhu cầu thế chấp tài sản để vay tiền cải tạo nghĩa trang gia đình nhưng không tiến hành được. Anh đã gặp chị L để yêu cầu rút tên của chị L trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả lại quyền sử dụng đất hợp pháp cho anh T nhưng chị L cố tình không thực hiện và lẩn tránh, không tiếp xúc với anh T và điều đó làm cản trở quyền sử dụng đất của anh T được bố mẹ tặng cho theo quy định của pháp luật. Anh T đã nhiều lần gọi điện liên lạc và đòi gặp trực tiếp với chị L nhưng không được hồi đáp. Vì vậy, anh quyết định khởi kiện tại Tòa án yêu cầu xem xét, tuyên bố Văn bản thỏa thuận lập ngày 21/02/2019 tại Văn phòng Công chứng An Phú Gia là vô hiệu do giả tạo để khôi phục lại quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận giám định số 442/GĐ ngày 04/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự của Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã kết luận: Chữ ký mang tên Trương

Thị Thanh L trên tài liệu cần giám định lý hiệu A (Giấy thỏa thuận ngày 17/02/2019) so với chữ ký trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M12 không không phải do cùng một người ký ra.

Theo anh T, Kết luận giám định này là một nguồn chứng cứ tham khảo trong vụ án, không quyết định bản chất vụ việc. Nguồn gốc tài sản không phải của chị L, không có công sức tạo dựng của chị L, thời điểm nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng thì anh T, chị L không phải là vợ chồng hợp pháp nên đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản thỏa thuận này vô hiệu do giả tạo. Anh không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

*Tại Bản Tự khai ngày 04/7/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn- chị Trương Thị Thanh L trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Viết T đã ly hôn vào năm 2016, đến giữa năm 2018, chị với anh T và hai con chung đã sinh hoạt lại với nhau như vợ chồng và anh T đối xử rất tốt với mẹ con chị, nhiều lần mở lời nói mẹ con chị dọn về nhà số 40/56 Nguyễn Công T để ở. Mẹ con chị rất vui mừng vì sự đối xử tử tế của anh T và anh T nói sẽ để chị đứng tên cùng sử dụng căn nhà trên để làm tài sản chung của hai người và để lại cho hai con sau này. Cho đến tháng 02/2019, anh T tự nguyện cùng chị ra công chứng đồng đứng tên sở hữu và sử dụng căn nhà trên và anh chị vẫn sinh hoạt bình thường. Đến cuối tháng 6/2019, chị mất liên lạc với anh T, chị gọi điện thoại nhưng anh không bắt máy. Đến tháng 7/2019, bố của anh T đau thì anh T chủ động báo tin cho chị, chị và các con thường xuyên lên bệnh viện thăm hỏi. Trong thời gian này, chị biết được anh T đã phát sinh mối quan hệ với người phụ nữ khác. Đến ngày 09/9/2019, ba anh T chết, chị đã về làm tròn bổn phận của một người con dâu, cho đến khi lo xong đám tang thì anh T nói chị là từ nay cấm chị về nhà nếu còn liêm sỉ của một con người, nên từ đó mẹ con chị không về ngôi nhà đó nữa, anh T cắt đứt liên lạc với mẹ con chị. Đến đầu năm 2020, anh T nhiều lần lên nhà ba mẹ chị tại địa chỉ 1A/245 Bùi Thị Xuân yêu cầu chị phải ra công chứng làm lại giấy tờ nhà, không cho chị tài sản này nữa và anh T sẽ chuyển tiền cho hai đứa con đến 18 tuổi là hết trách nhiệm. Nay chị hoàn toàn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh T vì nhà đất tại 40/56 Nguyễn Công T, phường Phú Hội, thành phố H là tài sản chung của chị và anh T, với lý do là anh T đã hoàn toàn tự nguyện để chị cùng đứng tên và sử dụng khối tài sản chung này. Về văn bản thỏa thuận ngày 17/02/2019 mà anh T nộp cho Tòa án là hoàn toàn giả mạo, chị không biết và không ký vào văn bản này như kết luận giám định.

*Tại công văn ngày 10/8/2020 trình bày ý kiến về các vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Văn phòng công chứng An Phú Gia, tỉnh Thừa Thiên Huế trình bày:*

Ngày 21/02/2019, Công chứng viên của văn phòng tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng của chồng vào tài sản chung của anh Nguyễn Viết T và vợ chị Trương Thị Thanh L. Sau khi kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu công chứng do người yêu cầu công chứng xuất trình, gồm: Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên chủ sử dụng, sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Viết

T; Bản chính giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu và Giấy chứng nhận kết hôn (sao từ sổ đăng ký kết hôn) của anh Nguyễn Viết T và vợ là chị Trương Thị Thanh L.

Căn cứ quy định pháp luật, công chứng viên của Văn phòng nhận thấy hồ sơ yêu cầu công chứng đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật; nội dung, ý định giao kết văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng của anh Nguyễn Viết T và vợ chị Trương Thị Thanh L là xác thực, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên đã thụ lý soạn thảo văn bản và hướng dẫn người yêu cầu công chứng tuân thủ các quy định về thủ tục công chứng và các quy định pháp luật có liên quan đến việc công chứng Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng. Công chứng viên cũng đã giải thích cho anh Nguyễn Viết T và chị Trương Thị Thanh L hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng và họ đều đã đọc, đồng ý và tự nguyện ký vào từng trang của Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng trước mặt công chứng viên và được công chứng viên chứng nhận ngày 21/02/2019, số công chứng: 000624, quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD.

Như vậy, đối với công chứng viên, việc công chứng Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng nêu trên đã được thực hiện đúng thủ tục và thẩm quyền theo quy định Luật Công chứng năm 2014 và các luật có liên quan. Hành vi của anh T, chị L có thể bị xử phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp, hành chính tư pháp.

*Ý kiến của Luật sư Hoàng Ngọc Thanh là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Nguyễn Viết T:*

Anh T, chị L lập Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng ngày 21/02/2019 tại Văn phòng Công chứng An Phú Gia tỉnh Thừa Thiên Huế sau khi đã ly hôn là vi phạm điều cấm của pháp luật công chứng theo Điều 7 Luật công chứng năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 124 Bộ luật dân sự tuyên bố Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng ngày 21/02/2019 là vô hiệu do giả tạo.

Sau khi công chứng Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng ngày 21/02/2019, tài sản đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất theo biến động tên của anh T, chị L. Hiện nay tài sản chưa chuyển nhượng, tặng cho hoặc thực hiện giao dịch dân sự cho người khác, anh T vẫn đang quản lý sử dụng nên không có hậu quả xảy ra. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

\* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, các bên đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

\* Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 122, 123 Bộ luật dân sự Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết vụ án theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Viết T, tuyên bố Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng ngày 21/02/2019 tại Văn phòng Công chứng An Phú Gia tỉnh Thừa Thiên Huế đối với tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất tại 25/1 Nguyễn Thái Học (nay là 40/56 Nguyễn Công T), phường Phú Hội, thành phố H là vô hiệu. Về giải quyết hậu quả giao dịch dân sự vô hiệu: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự: Buộc đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về Thủ tục tố tụng:**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Văn phòng Công chứng An Phú Gia tỉnh Thừa Thiên Huế có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Văn phòng Công chứng An Phú Gia tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại đơn khởi kiện, anh T yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng ngày 21/02/2019 là vô hiệu để khôi phục lại quyền sử dụng đất hợp pháp của anh theo quy định pháp luật. Theo quy định của Luật Đất đai và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ thì việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc xác nhận nội dung biến động trong trường hợp thực hiện hợp đồng (các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 105 của Luật Đất đai) là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền sẽ thực hiện việc đăng ký biến động, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở kết quả giao dịch có hiệu lực. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất nên Tòa án không đưa Ủy ban nhân dân thành phố H vào tham gia tố tụng vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Mục 2.II Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019

của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về nguồn gốc quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất tại 25/1 Nguyễn Thái Học (nay là 40/56 Nguyễn Công T), phường Phú Hội, thành phố H là của bố mẹ của anh Nguyễn Viết T tặng cho anh Nguyễn Viết T vào năm 2014. Anh T được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất và tài sản gắn liền với đất số BT 170911 đứng tên một mình anh T vào ngày 27/5/2014. Ngày 29/4/2016, anh Nguyễn Viết T và chị Trương Thị Thanh L ly hôn theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 153/2016/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố H, về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị L cùng công nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến ngày 21/02/2019, anh T và chị L tiến hành ký kết Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng tại Văn phòng Công chứng An Phú Gia tỉnh Thừa Thiên Huế, số công chứng: 000624, quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD với nội dung nhập tài sản riêng của anh T là nhà và đất tại địa chỉ trên vào tài sản chung của anh T và chị L.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình về việc anh và chị L lập Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng ngày 21/02/2019 tại Văn phòng Công chứng An Phú Gia tỉnh Thừa Thiên Huế để chị L đứng tên cùng với anh trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất trên với mục đích chị L có điều kiện chứng minh về tài sản để đi nước ngoài. Và tại Kết luận giám định số 442/GĐ ngày 04/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự của Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã kết luận chữ ký mang tên Trương Thị Thanh L trên tài liệu cần giám định chữ ký (là Giấy thỏa thuận ngày 17/02/2019) không phải là chữ ký của chị Trương Thị Thanh L nên không có cơ sở khẳng định anh T, chị L lập Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng tại Văn phòng công chứng An Phú Gia tỉnh Thừa Thiên Huế là giao dịch giả tạo nhằm che dấu một giao dịch dân sự khác theo Điều 124 Bộ luật dân sự.

Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các đương sự, quá trình điều tra, xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 21/02/2019, tại Văn phòng Công chứng An Phú Gia tỉnh Thừa Thiên Huế, anh T, chị L cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (sao từ sổ đăng ký kết hôn) tên anh T, chị L đã hết hiệu lực, cung cấp thông tin vẫn còn là vợ chồng; không cung cấp Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 153/2016/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố H nên Văn phòng Công chứng An Phú Gia tỉnh Thừa Thiên Huế không biết anh chị đã ly hôn và tiến hành công chứng Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng đối với tài sản quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất tại 25/1 Nguyễn Thái Học (nay là 40/56 Nguyễn Công T), phường Phú Hội, thành phố H. Như vậy, hành vi của anh T, chị L là cung cấp thông tin,

tài liệu sai sự thật, sử dụng giấy tờ, văn bản giả mạo... để yêu cầu công chứng là thuộc các hành vi bị nghiêm cấm trong công chứng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Luật công chứng nên bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật theo Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các đương sự xác nhận: Việc công chứng Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng của anh T, chị L thuộc trường hợp anh T, chị L tự thỏa thuận, không có trao đổi bằng vật chất. Sau khi công chứng tài sản đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất theo biên động tên của anh T, chị L. Hiện nay tài sản chưa chuyển nhượng, tặng cho hoặc thực hiện giao dịch dân sự với người khác, anh T vẫn đang quản lý sử dụng nên không có hậu quả xảy ra. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của anh Trương Viết T được chấp nhận nên bà Trương Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Trương Viết T số tiền tạm ứng 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009910 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 122, 123 Bộ luật dân sự Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Viết T; tuyên bố Văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng ngày 21/02/2019 giữa anh Nguyễn Viết T và chị Trương Thị Thanh L tại Văn phòng Công chứng An Phú Gia tỉnh Thừa Thiên Huế đối với tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền đất tại 25/1 Nguyễn Thái Học (nay là 40/56 Nguyễn Công T), phường Phú Hội, thành phố H là vô hiệu.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Trương Viết T số tiền tạm ứng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009910 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thúc Mỹ**